

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2022/HS-ST
Ngày 25-11-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quyết Thắng;

Thẩm phán: Ông Vũ Minh Quán;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thư; Bà Đặng Thị Liên; Ông Bùi Đức Toàn.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 25/11/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ L số: 50/2022/TLST-HS ngày 25/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HS ngày 10/11/2022 đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Văn L**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 7 năm 1981; tại: huyện T, tỉnh Lào Cai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Tiền án, tiền sự: Không; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố T1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai; Con ông: Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị M. Trú quán tại: Xã H, huyện T, tỉnh Lào Cai; Vợ: Hoàng Thị Thu M1 và 02 con, con lớn sinh năm: 2006; con nhỏ sinh năm: 2013.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/12/2021. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn Đ – Luật sư Văn phòng Luật sự Ngọc Bảo, Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai (Vắng mặt).

- Các bị hại:

+ Bà Hồ Thị H1. Địa chỉ: Số nhà 355, đường P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Lê Thị H L. Địa chỉ: Tổ dân phố Phố Cũ, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Hồ Văn A. Địa chỉ: Tổ 26, phường C, thành phố C1, tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Ngọc T. Địa chỉ: Tổ dân phố C2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Anh Dương Văn O. Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố C2, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Hồng Ca – Bộ Công an (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Hoàng Thị Thu M. Địa chỉ: Số nhà 087, đường P, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T1. Địa chỉ: Tổ dân phố K1, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt).

+ Chị Trịnh Thị Thu N1. Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn K, huyện K, tỉnh Lào Cai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2020, do nợ tiền của nhiều người và không có khả năng thanh toán nên Nguyễn Văn L đã nảy sinh ý định lên mạng tìm kiếm, đặt làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) và đăng kí xe ô tô giả với mục đích nhằm lừa đảo chiếm đoạt tài sản. L dùng số điện thoại 0934486884 đăng ký tài khoản zalo với tên là “Luan Nguyen” tìm kiếm người làm giấy tờ giả trên mạng và có một tài khoản tên là A Long chủ động kết bạn rồi yêu cầu L chụp ảnh những giấy tờ cũ cần làm giả gửi qua mạng zalo cho A Long để A Long làm giả giấy tờ cho L. Cụ thể:

- L đã chụp ảnh GCNQSDĐ bản photo của GCNQSDĐ tại địa chỉ số 087, đường Giải Phóng (GCNQSDĐ này đã thế chấp vay ngân hàng) đặt làm giả 01 GCNQSDĐ số seri BB 275864, tuy nhiên bản đầu GCNQSDĐ giả bị lỗi, L đã liên hệ với A Long và được A Long làm trả cho 01 giấy giả khác không thu tiền, đối với GCNQSDĐ giả bị lỗi L đã xé bỏ Cơ quan điều tra đã thu giữ được 3 mảnh bị xé.

- L đã chụp ảnh GCNQSDĐ bản photo của GCNQSDĐ tại địa chỉ lô số 33, tổ dân phố Mã Tuyên, thị trấn K (GCNQSDĐ này đã thế chấp vay ngân hàng) đặt làm giả 04 GCNQSDĐ số seri CK 186386.

- L chụp ảnh và đặt làm giả 01 giấy đăng kí xe ô tô số 002302 biên số xe 24C-041.56.

Các giấy tờ giả trên được chuyển cho L qua đường chuyển phát giao hàng và số tiền L trả A Long là 29.000.000 đồng.

Sau khi có được các giấy tờ giả, trong thời gian từ tháng 4/2020 đến tháng 03/2021, L đã đem đi thế chấp vay tiền rồi chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 6/4/2020, Nguyễn Văn L bảo vợ là Hoàng Thị Thu Mai đi cùng lên nhà chị Lê Thị H L để vay tiền. L thế chấp GCNQSDĐ giả số seri CK 186386 cấp ngày 22/01/2019 số vào sổ cấp GCN:CH 00788 cho chị L để vay 150.000.000 đồng, do chữ xấu nên L đã bảo Mai viết giấy vay nợ với chị L rồi vợ chồng L cùng ký và chị L đã chuyển khoản trực tiếp cho L số tiền trên. Sau đó trong các ngày 7/5 và 14/7/2020, L tiếp tục vay chị L thêm 150.000.000 đồng cũng tính vào việc thế chấp GCNQSDĐ trước đó. Đến ngày 21/7/2021, anh Nguyễn Văn Trường là anh trai của L đã đứng ra trả nợ cho chị L số tiền 100.000.000 đồng, sau đó L đã bảo Mai viết lại cho chị L một giấy vay tiền ghi nhận nợ số tiền **200.000.000** đồng. Số tiền này L đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Lần thứ hai: Ngày 08/4/2020, L mang theo một GCNQSDĐ giả số seri CK 186386 cấp ngày 22/01/2019 số vào sổ cấp GCN:CH 00788 đến nhà ông Nguyễn Ngọc T thế chấp vay 330.000.000 đồng, ông T đồng ý cho L vay và đưa cho L số tiền 180.000.000 đồng tiền mặt, sau đó ông T lên ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện K ủy nhiệm chi cho L số tiền 150.000.000 đồng. Nhận đủ tiền, L viết vay nợ ông T số tiền là 330.000.000 đồng, không có lãi suất. Sau đó, L về nhà bảo Mai ký vào giấy vay nợ này, Mai không đọc nội dung của giấy vay nợ, chỉ biết L bảo ký nên Mai ký. Đến nay L đã trả cho ông T số tiền 56.000.000 đồng còn nợ lại **274.000.000** đồng. Số tiền này L đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Lần thứ ba: Ngày 12/5/2020, hai vợ chồng Mai, L đến nhà anh Hồ Văn A để vay tiền. L cầm theo một GCNQSDĐ giả số seri BB 275864 cấp ngày 24/3/2021 để thế chấp vay số tiền 700.000.000 đồng, anh Hồ Văn A đồng ý và đã đưa cho L 700.000.000 đồng. Do chữ xấu nên L bảo Mai viết giấy vay nợ anh Hồ Văn A số tiền là 700.000.000 đồng rồi hai vợ chồng cùng ký vào giấy vay nợ. Đến ngày 12/8/2021, L đã chuyển khoản trả cho anh Hồ Văn A số tiền là 70.000.000 đồng, số tiền còn lại **630.000.000** đồng L đã sử dụng vào việc trả nợ và chi tiêu cá nhân.

Lần thứ tư: Ngày 02/12/2020, Nguyễn Văn L bảo vợ đi cùng lên nhà bà Hồ Thị H để vay tiền, L dùng GCNQSDĐ giả số seri CK 186386 cấp ngày 26/5/2011, số vào sổ cấp GCN 0587CP, để thế chấp vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng, bà H đồng ý. Do chữ xấu, L đã bảo vợ viết cho bà H một giấy vay nợ số tiền **300.000.000 đồng** và cùng ký vào giấy vay nợ trên. Số tiền vay của bà H, L trực tiếp kiểm đếm và đã sử dụng để trả nợ và tiêu sài cá nhân.

Lần thứ năm: Vào tháng 3/2021, L đến nhà anh Dương Văn O để vay số tiền là 200.000.000 đồng, O yêu cầu L pH có tài sản để thế chấp mới cho vay. L đã mang đăng kí xe ô tô giá số 002302, biển số xe 24C-041.56 cấp ngày 30/01/2015 thế chấp thì anh O yêu cầu L ra UBND thị trấn K làm hợp đồng mua, bán xe có chứng thực của UBND thị trấn K với giá trị xe là 200.000.000 đồng. Số tiền vay được L đã sử dụng vào việc đầu tư một số công trình và tiêu sài cá nhân hết, sau khi anh O phát hiện đăng kí xe ô tô giả thì L đã trả cho anh O số tiền 40.000.000 đồng hiện còn **160.000.000** đồng .

Ngoài ra, trước đó vào khoảng 3/2020, L có vay của chị Trịnh Thị Thu Nga 80.000.000 đồng (Thỏa thuận miệng). Đến tháng 5/2020 L vay thêm 120.000.000 đồng và cầm cố xe ô tô, giấy tờ ô tô thật. Đến 6/2020, L đã lấy GCNQSDĐ giả lên đưa cho Nga đề rút xe ô tô ra. Sau đó L đã trả được 180.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng chị Nga không yêu cầu L pH trả.

* Tại bản kết L giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu số 01 ngày 15/12/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết L:

- Phôi GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất của các tài liệu cần giám định là giả. Các phôi này được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Các hình dấu tròn có nội dung: “ỦY BAN N.D HUYỆN MUỜNG LA T.LÀO CAI”; “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN K T.LÀO CAI” trên các tài liệu giám định không được đóng trực tiếp. Các hình dấu này được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang chức danh “Chủ tịch UBND huyện K – Hoàng Duy Dũng” trên các tài liệu cần giám định là chữ ký trực tiếp. Các chữ ký này với tại chữ ký của ông Hoàng Duy Dũng trên các mẫu so sánh không pH cùng một đến từ người ký ra.

- Chữ ký mang dấu chức danh “Phó chủ tịch – Đinh Trọng Khôi” dưới mục “TM. UBND huyện K” trên tài liệu cần giám định là chữ ký trực tiếp. Chữ ký này với chữ ký của ông Đinh Trọng Khôi trên các mẫu so sánh không pH do cùng một người kí ra (BL 203 – 204).

* Tại bản Kết L giám định chữ ký, chữ viết, hình dấu số 21/KL-GĐTL ngày 23/03/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lào Cai kết L:

- Phôi GCNQSDĐ và tài sản gắn liền với đất của các tài liệu giám định là giả. Các phôi này được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Các hình dấu có nội dung “ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN K T. LÀO CAI” trên các tài liệu cần giám định không được đóng trực tiếp. Các hình dấu này được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang dấu chức danh “PHÓ CHỦ TỊCH – Đinh Trọng Khôi” dưới mục “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN K” trên các tài liệu cần giám định là chữ ký trực tiếp. Các chữ ký này với chữ ký của ông Đinh Trọng Khôi trên các mẫu so sánh không pH do cùng một người ký ra.

- Phôi Chứng nhận đăng kí xe ô tô của tài liệu cần giám định là giả. Phôi này được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tròn có nội dung “CỘNG HÒA XHCN VIỆT NAM-CÔNG AN TỈNH LÀO CAI” trên tài liệu cần giám định không được đóng trực tiếp. Hình dấu này được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang dấu tên Đại tá Nguyễn Thiện Tuấn dưới mục “TRƯỞNG PHÒNG” trên tài liệu cần giám định là chữ ký trực tiếp. Chữ ký này với chữ ký của ông Nguyễn Thiện Tuấn trên các mẫu so sánh không pH do cùng một người ký ra (BL 205 – 206).

Bản cáo trạng số 38 /CT-VKST-P2 ngày 30/9/2022 và thông báo sửa chữa, bổ sung cáo trạng số 315/VKS – P2 ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a, b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Văn L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai rút truy tố đối với bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt bị cáo 13 đến 14 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là từ 16 đến 18 năm tù. Xử L trách nhiệm dân sự, vật chứng, tuyên án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Ý kiến người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Về hình phạt: đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 12 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo pH chấp hành hình phạt

chung cho cả hai tội là 15 năm tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh L tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại. Vì vậy, hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết L giám định và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Vì vậy đủ cơ sở để khẳng định:

Vào khoảng tháng 02/2020, bị cáo Nguyễn Văn L đã có hành vi thuê người làm giả 05 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, 01 giấy đăng ký xe ô tô và dùng các giấy tờ giả này thế chấp tạo niềm tin để vay tiền nhằm chiếm đoạt tiền của 05 bị hại, cụ thể: chiếm đoạt của chị Lê Thị H L 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); Ông Nguyễn Ngọc T số tiền 330.000.000 đồng (*Ba trăm ba mươi triệu đồng*); anh Hồ Văn A số tiền 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); bà Hồ Thị H số tiền 300.000.000 đồng (*Ba trăm triệu đồng*); anh Dương Văn O số tiền 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại là 1.830.000.000 đồng (*Một tỷ tám trăm ba mươi triệu đồng*).

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” với tình tiết định khung “*Làm 06 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác trở lên*” theo điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND tỉnh Lào Cai rút truy tố đối với bị cáo theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ. Vì vậy, Cáo trạng số 38/CT-VKST-P2 ngày 30/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[3] Về hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm đến trật tự quản L hành chính được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của 05 bị hại, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm, vì vậy bị cáo pH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*phạm tội 02 lần*”

trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Nên cần pH xét xử bị cáo với mức án thật nghiêm khắc, nhằm răn đe, cải tạo giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Văn Năm được nhà nước tặng thưởng “Huy chương kháng chiến hạng nhì”, ông nội là ông Nguyễn Văn Bồng được nhà nước tặng thưởng “Huân chương kháng chiến hạng ba”, bà nội là Trần Thị Chiện được nhà nước trao tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; Bố vợ là ông Hoàng Văn Mai được nhà nước tặng thưởng “Huy chương kháng chiến hạng nhì”, mẹ vợ là Bùi Thị Mừng được tặng thưởng “Huy chương kháng chiến hạng nhì”. Ngoài ra, sau khi bị khởi tố điều tra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Lê Thị H L, Hồ Thị H, mỗi bị hại 20.000.000 đồng, chị L, bà H có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Đối với chị Hoàng Thị Thu Mai, sau khi thụ L vụ án, ngày 30/9/2022 Tòa án đã ra Quyết định số 05/2022/HSST - QĐ trả hồ sơ để điều tra bổ sung về hành vi của Mai. Kết quả điều tra thấy rằng: Mai là người trực tiếp 03 lần cùng bị cáo L đi thế chấp GCNQSDĐ giả để vay tiền, viết và cùng ký tên vào giấy vay tiền nhưng Mai không biết việc L đặt làm các giấy tờ giả. Các lần đi vay khi thấy L thế chấp GCNQSDĐ Mai đều hỏi nguồn gốc, L trả lời đã trả nợ ngân hàng lấy GCNQSDĐ về hoặc đã trả nợ cho người khác để lấy GCNQSDĐ về. Trước khi vay tiền của các bị hại, L đều không bàn bạc gì với Mai, việc vay nợ là do L yêu cầu Mai đi cùng; số tiền vay được một mình L sử dụng. Vì vậy, hành vi của Hoàng Thị Thu Mai không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không đề cập xử L là phù hợp.

Về đối tượng mà Nguyễn Văn L đã thuê để làm giả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy đăng ký xe ô tô giả: Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng này nên khi nào xác minh được sẽ tiến hành xử L theo quy định là phù hợp.

Đối với Hồ Thị H, Hồ Văn A, Lê Thị H L cho bị cáo L vay tiền với lãi suất từ 2% đến 4% trên một tháng là không đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” nên Cơ quan điều tra không đề cập xử L là phù hợp.

Đối với mức hình phạt đại diện VKSND tỉnh Lào Cai đề nghị đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là nặng, mức án người bào chữa cho bị cáo đề nghị là nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự

Trong tổng số tiền 1.830.000.000 đồng đã chiếm đoạt, bị cáo đã trả cho các bị hại 306.000.000 đồng (trong đó: trả chị L 120.000.000 đồng, trả ông T 56.000.000 đồng, trả anh Văn A 70.000.000 đồng, trả bà H 20.000.000 đồng, trả anh O 40.000.000 đồng). Số tiền còn lại là 1.524.000.000 đồng, các bị hại đều yêu cầu bị cáo pH bồi thường.

Hội đồng xét xử xét thấy, đối với số tiền bị cáo vay của chị L, ông T, anh Hồ Văn A, bà H thì chị Hoàng Thị Thu Mai có biết và ký vào giấy vay tiền nên cần buộc chị Mai pH có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo bồi thường cho chị L, ông T, anh Hồ Văn A, bà H, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị Thu Mai pH có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Lê Thị H L số tiền 180.000.000 đồng, cụ thể mỗi người pH bồi thường 90.000.000 đồng; Bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 274.000.000 đồng, cụ thể mỗi người pH bồi thường 137.000.000 đồng; Bồi thường cho bà Hồ Thị H số tiền 280.000.000 đồng, cụ thể mỗi người pH bồi thường 140.000.000 đồng; Bồi thường cho anh Hồ Văn A số tiền 630.000.000 đồng, cụ thể mỗi người pH bồi thường 315.000.000 đồng.

Đối với số tiền 160.000.000 đồng vay của anh Dương Văn O: chị Mai không biết và không ký tên vào giấy vay tiền nên xét thấy cần buộc bị cáo pH bồi thường cho anh O số tiền 160.000.000 đồng.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 03 (ba) mảnh giấy màu hồng, có chữ ký của Hoàng Thị Thu Mai ở góc các mảnh: Đây là vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, màu vàng và 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A15: Cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

[6] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Văn L bị kết án và pH bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 842.000.000 đồng nên bị cáo pH chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị Thu Mai bị buộc pH bồi thường cho chị L; ông T; bà H và anh Hồ Văn A tổng số tiền là 682.000.000 đồng nên pH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 12 (Mười hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” .

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 03 (Ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn L pH chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 17/12/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị Thu Mai pH liên đới bồi thường cho chị Lê Thị H L số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*), cụ thể bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*), chị Hoàng Thị Thu Mai có trách nhiệm bồi thường số tiền 90.000.000 đồng (*Chín mươi triệu đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị Thu Mai pH liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Ngọc T số tiền 274.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi tư triệu đồng*), cụ thể bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu đồng*); chị Hoàng Thị Thu Mai có trách nhiệm bồi thường số tiền 137.000.000 đồng (*Một trăm ba mươi bảy triệu đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị Thu Mai pH liên đới bồi thường cho bà Hồ Thị H số tiền 280.000.000 đồng (*Hai trăm tám mươi triệu đồng*), cụ thể bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*); chị Hoàng Thị Thu Mai có trách nhiệm bồi thường số tiền 140.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu đồng*).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị Thu Mai pH liên đới bồi thường cho anh Hồ Văn A số tiền 630.000.000 đồng (*Sáu trăm ba mươi triệu đồng*), cụ thể bị cáo Nguyễn Văn L có trách nhiệm bồi thường số tiền 315.000.000 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu đồng*); chị Hoàng Thị Thu Mai có trách nhiệm bồi thường số tiền 315.000.000 đồng (*Ba trăm mười lăm triệu đồng*);.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L pH bồi thường cho anh Dương Văn O số tiền 160.000.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu đồng*).

Tổng cộng bị cáo Nguyễn Văn L pH bồi thường cho các bị hại chị Lê Thị H L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị H, anh Hồ Văn A, anh Dương Văn O số tiền là 842.000.000 đồng (*Tám trăm bốn mươi hai triệu đồng*). Chị Hoàng Thị Thu Mai pH bồi thường cho các bị hại chị Lê Thị H L, ông Nguyễn Ngọc T, bà Hồ Thị H, anh

Hồ Văn A tổng số tiền là 682.000.000 đồng (*Sáu trăm tám mươi hai triệu đồng*).

VỀ VẬT CHỨNG: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

* Tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, màu vàng (gold), đã qua sử dụng bị hỏng vỡ màn hình, không bật lên nguồn;

- 01 chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO A15, màu trắng cũ đã sử dụng, số Imeill 1: 869559054961219, số Imeil 2: 86955905491201 thu giữ của Nguyễn Văn L.

* Tịch thu tiêu hủy : 03 (ba) mảnh giấy màu hồng, có chữ ký của Hoàng Thị Thu Mai ở góc các mảnh.

(Vật chứng thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày số 44 ngày 01/7/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Lào Cai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai)

VỀ ÁN PHÍ: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Văn L pH chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 37.260.000 đồng (*Ba mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Buộc chị Hoàng Thị Thu Mai pH chịu 31.280.000 đồng (*Ba mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh;
- CQCSĐT Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- PV 27 CA tỉnh;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người QLNVLQ;
- THA Tòa án;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Quyết Thắng